TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ - ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2025
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành
2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên toà: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn V xã L, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Quốc T, sinh năm 1986; trú tại: Thôn V, xã L, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Phan Quốc T ngày 29/11/2013, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ). Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên rượu chè, không chăm lo đến đời sống gia đình. Chị và anh T đã sống

ly thân từ năm tháng 10/2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, hiện nay chị không có thai.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung: Cháu Phan Quốc B, sinh ngày 10/8/2016; cháu Phan Hà M, sinh ngày 08/8/2014. Hiện cả hai cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Quốc T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2025, bà Khổng Thị V là mẹ đẻ của anh T trình bày: Anh T và chị H kết hôn với nhau năm 2013, sau khi cưới chị H về chung sống cùng gia đình bà, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 10/2023 bà thấy vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân cụ thể thì bà không nắm được. Anh T vẫn thường xuyên có mặt ở nhà, các lần Tòa án gửi giấy báo gọi bà đều nhận được và đã thông báo cho anh T. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Phan Quốc B, sinh ngày 10/8/2016; cháu Phan Hà M, sinh ngày 08/8/2014, hiện cả hai cháu đang ở với chị H. Về tài sản, công nợ của anh chị thì bà không nắm được. Nay chị H xin ly hôn và xin nuôi con, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H. Chị H

được ly hôn anh Phan Quốc T; về nuôi con chung: Giao cháu M, cháu B cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T, do vậy đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã L, tỉnh Phú Thọ, nên Tòa án nhân dân khu vực 11 thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của anh T: Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy việc bị đơn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình không hợp tác làm việc với Tòa án. Không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù anh T đã nhận được các thủ tục tố tụng của Tòa án nên anh T tự chịu trách nhiệm. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phan Quốc T đăng ký kết hôn ngày 29/11/2013, tại Ủy ban nhân dân xã X nay là xã L. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị H và anh T thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh T có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị H trình bày vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh Tthường xuyên rượu chè, không chăm lo đến đời sống gia đình. Chị và anh T đã sống ly thân từ 10/2023 đến nay. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình anh T cho biết: Chị H và anh T có mâu thuẫn nhưng cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương và gia đình không nắm được. Việc chị H xin ly hôn anh Tvà các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung: Cháu Phan Quốc B, sinh ngày 10/8/2016; cháu Phan Hà M, sinh ngày 08/8/2014, hiện cả hai cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu M, B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh T không có quan điểm về việc nuôi con, cháu M và cháu B có nguyện vọng muốn được ở với chị H. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu M và cháu B, cần giao cháu M và cháu B cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị H và anh T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phan Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Quốc B, sinh ngày 10/8/2016; cháu Phan Hà M, sinh ngày 08/8/2014, cho đến khi cháu M, cháu Bảo đủ 18 tuổi. Hiện cháu M và cháu B đang ở với chị H. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007714 ngày

06/6/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Phú Thọ.
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh